

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 53/2025/DS-ST

Ngày: 16 - 05- 2025

“Xác định quyền sở hữu
tài sản của người phải thi hành
án trong khối tài sản chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mẫn**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trung Du**

2. Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Phước Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2025/TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Xác định quyền sở hữu tài sản của người phải thi hành án trong khối tài sản chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 04 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 64/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 04 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà [Trần Thị Kim N](#), sinh 1968.

Địa chỉ: [Khóm B, Thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#).

- *Bị đơn:*

1. Bà [Nguyễn Thị H](#), sinh 1966.

2. Ông [Đinh Văn T](#), sinh 1963.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh [Đinh Văn C](#), sinh 1989.

2. Chị [Đinh Thị Ngọc T1](#), sinh 1991.

Cùng địa chỉ: [Khóm A, Thị trấn V, huyện V, Vĩnh Long](#).

3. [Chi Cục Thi Hành Án Dân Sự huyện Vũng Liêm](#) (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Ý kiến của nguyên đơn bà [Trần Thị Kim N](#) trình bày:** Để đảm bảo cho việc thi hành án thu hồi nợ cho bà [N](#) theo quyết định công nhận sự thỏa thuận số 39/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 04 năm 2017 và bản án số 07/2019/DSST ngày 11 tháng 04 năm 2019 của Tòa án huyện Vũng Liêm. Bà [N](#) yêu cầu xác lập quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên thửa đất 98, diện tích 65,8m², tờ bản đồ số 22, loại đất đô thị do hộ bà [Nguyễn Thị H](#) đứng tên quyền sử dụng đất theo phần mỗi người trong hộ gồm: bà [Nguyễn Thị H](#), ông [Đinh Văn T](#); [Đinh Văn C](#); [Đinh Thị Ngọc T1](#) để bà [Nguyễn Thị H](#); ông [Đinh Văn T](#) thi hành án trả nợ cho bà [N](#). Bà [N](#) không yêu cầu cây trồng trên đất.

*** Ý kiến của bị đơn [Nguyễn Thị H](#), [Đinh Văn T](#) người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan [Đinh Văn C](#), [Đinh Thị Ngọc T1](#):** Bị đơn là bà [H](#), ông [T](#); Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh [C](#), chị [T1](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:**

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa tuân thủ theo Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Bà [Trần Thị Kim N](#) yêu cầu xác lập quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên thửa đất 98, diện tích 65,8m², tờ bản đồ số 22, loại đất đô thị do hộ bà [Nguyễn Thị H](#) đứng tên quyền sử dụng đất theo phần mỗi người trong hộ gồm: bà [Nguyễn Thị H](#), ông [Đinh Văn T](#); [Đinh Văn C](#); [Đinh Thị Ngọc T1](#) để bà [Nguyễn Thị H](#); ông [Đinh Văn T](#) thi hành án trả nợ cho bà [N](#).

Đối với bị đơn vợ chồng bà [Nguyễn Thị H](#) và ông [Đinh Văn T](#) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh [C](#), chị [T1](#) vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm niêm yết và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà [H](#) ông [T](#) anh [C](#), chị [T1](#) vẫn cố tình vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Áp dụng khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147; 217; 227; 228; 244 BLTTDS; Áp dụng Điều 208; 213 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà [Trần Thị Kim N](#) về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của người thi hành án bà [Nguyễn Thị H](#) và ông [Đinh Văn T](#) trong khối tài sản chung của hộ gia đình đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ 22, diện tích 65,8 m² tọa lạc tại [khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#).

Đình chỉ yêu cầu về việc xác lập quyền sở hữu tài sản trên đất thửa số 98, tờ bản đồ số 22, diện tích 65,8 m², tọa lạc tại [khóm A, thị trấn V, huyện V](#),

Về chi phí khảo sát đo đạc định giá: bị đơn [Nguyễn Thị H](#), [Đinh Văn T](#) phải nộp số tiền 5.052.000 đồng (năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng) cho bà [Trần Thị Kim N](#) nhận lại.

Về án phí: Bà [H](#), ông [T](#) chịu 300.000 đ. (Trường hợp ông [T](#) là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên không xem xét).

Bà [Trần Thị Kim N](#) không phải nộp án phí.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, về quan hệ pháp luật: Giữa nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phát sinh quan hệ “Xác định quyền sở hữu tài sản của người thi hành án trong khối tài sản chung”, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 03 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối tượng tranh chấp chính là phần đất thửa số 98, tờ bản đồ số 22, diện tích 65,8 m², tọa lạc tại [khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#) theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn vợ chồng bà [Nguyễn Thị H](#) và ông [Đinh Văn T](#) vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm niêm yết và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà [Nguyễn Thị H](#) và ông [Đinh Văn T](#) vẫn cố tình vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Bà [Trần Thị Kim N](#) yêu cầu xác lập quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên thửa đất 98, diện tích 65,8m², tờ bản đồ số 22, loại đất đô thị do hộ bà [Nguyễn Thị H](#) đứng tên quyền sử dụng đất theo phần mỗi người trong hộ gồm: bà [Nguyễn Thị H](#), ông [Đinh Văn T](#); [Đinh Văn C](#); [Đinh Thị Ngọc T1](#) để bà [Nguyễn Thị H](#); ông [Đinh Văn T](#) thi hành án trả nợ cho bà [N](#).

[4] Về xác định diện tích đất tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành khảo sát đo đạc và định giá tài sản đối với thửa đất 98, diện tích 65,8m², tờ bản đồ số 22, loại đất đô thị do hộ bà [Nguyễn Thị H](#) đứng tên quyền sử dụng đất

[5] Xét về căn cứ pháp lý:

Căn cứ vào tờ khai nguồn gốc sử dụng đất ngày 13 tháng 9 năm 2004 người khai là bà [Nguyễn Thị H](#) và chồng ông [Đinh Văn T](#) nguồn gốc đất mua của bà [Châu Thị Đ](#).

Ngày 13 tháng 11 năm 2004 bà [Nguyễn Thị H](#) chồng chồng ông [Đinh Văn T](#) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ.

Ngày 19 tháng 04 năm 2006 hộ bà [Nguyễn Thị H](#) và chồng ông [Đinh Văn T](#) được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG871400.

[6] Từ những phân tích trên hội đồng xét xử nhận định:

Xét thấy, toàn bộ hồ sơ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất qua các thời kỳ đối với thửa đất 98, diện tích 65,8m², tờ bản đồ số 22, loại đất đô thị hội đồng xét xử nhận định đây là khối tài sản chung của vợ chồng bà [Nguyễn Thị H](#) và ông [Đinh Văn T](#).

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà [Trần Thị Kim N](#) về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của người thi hành án bà [Nguyễn Thị H](#) và ông [Đinh Văn T](#) trong khối tài sản chung của hộ gia đình đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ 22, diện tích 65,8 m² tọa lạc tại [khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#) là có cơ sở để chấp nhận

[7] Về chi phí tố tụng:

[7.1] Chi phí khảo sát đo đạc, định giá: bị đơn [Nguyễn Thị H](#), [Đinh Văn T](#) phải nộp số tiền 5.052.000 đồng (năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng) cho bà [Trần Thị Kim N](#) nhận lại.

[7.2] Án phí dân sự sơ thẩm: bà [Nguyễn Thị H](#) và ông [Đinh Văn T](#) chịu 300.000 đồng (Trường hợp ông [T](#) là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên không xem xét).

Bà [Trần Thị Kim N](#) không phải nộp án phí

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147; 217; 227; 228; 244 BLTTDS; Áp dụng Điều 208; 213 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà [Trần Thị Kim N](#) về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản của người thi hành án đối với bà [Nguyễn Thị H](#) và chồng là ông [Đinh Văn T](#) trong khối tài sản chung của hộ gia đình đối với thửa đất số 98, tờ bản đồ 22, diện tích 65,8 m² tọa lạc tại [khóm A, Thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#).

Đình chỉ yêu cầu về việc xác lập quyền sở hữu tài sản trên đất thửa số 98. tờ bản đồ số 22, diện tích 65,8 m², tọa lạc tại khóm A, thị trấn V, huyện V.

Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản: Buộc bà Nguyễn Thị H, Đình Văn T phải nộp số tiền 5.052.000 đồng (năm triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng) cho bà Trần Thị Kim N nhận lại.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Nguyễn Thị H và ông Đình Văn T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Kim N không phải nộp án phí. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Kim N số tiền 3.290.000 đồng (ba triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009430 ngày 11/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- CCTHADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Kim Mẫn